ÔN TẬP CHƯƠNG 8

I. Hệ thống hoá kiến thức

1. Hãy quan sát sơ đồ hệ thống kiến thức trong SGK trang 193 và trình bày nội dung khái quát của sinh thái học phục hồi, bảo tồn và phát triển bền vững.

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

2. Từ sơ đồ khái quát, hãy đưa ra các biện pháp nhằm phục hồi, bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái.

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

II. Bài tập

 1. Trắc nghiệm khách quan: Học sinh chỉ chọn 1 phương án

**Câu 1.** Biện pháp nào sau đây thuộc nhóm phương pháp cải tạo môi trường?

A. Loại trừ các loài ngoại lai xâm nhập.

B. Tăng cường công tác tuyên truyền, phục hồi các hệ sinh thái.

C. Trồng rừng, cải tạo đất hoang.

D. Thành lập các vườn quốc gia, khu bảo tồn.

**Câu 2.** Vì sao cần phục hồi, bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên?

A. Việc phục hồi, bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên vừa giúp bảo vệ môi trường tự nhiên, vừa bảo vệ lợi ích cho con người.

B. Việc phục hồi, bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên nhằm duy trì và phục hồi nguồn khoáng sản cho sự phát triển kinh tế – xã hội.

C. Việc phục hồi, bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên giúp con người chống con người chống lại được các hậu quả của biến đổi khí hậu.

D. Việc phục hồi, bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên giúp con người chống lại được các hậu quả của ô nhiễm môi trường.

**Câu 3**. Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng nhu cầu của thế hệ ...(1)... mà không làm ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu của thế hệ ...(2)...Vị trí (1) và (2) lần lượt là

A. (1) − quá khứ, (2) – hiện tại.

B. (1) – quá khứ, (2) – tương lai.

C. (1) – hiện tại, (2) – tương lai.

D. (1) – tương lai, (2) – hiện tại.

**Câu 4**. Để phát triển bền vững cần phải có sự kết hợp cân đối, hài hoà ba trụ cột phát triển nào?

A. Kinh tế, xã hội và giáo dục.

B. Kinh tế, môi trường và giáo dục.

C. Kinh tế, xã hội và du lịch.

D. Kinh tế, xã hội và môi trường.

**Câu 5.** Có bao nhiêu nội dung dưới đây là các biện pháp phát triển bền vững? (1) Sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên.(2) Hạn chế gây ô nhiễm môi trường. (3) Bảo tồn đa dạng sinh học. (4) Phát triển nông nghiệp bền vững. (5) Kiểm soát phát triển dân số. (6) Giáo dục bảo vệ môi trường.

A. 6. B. 4. D. 5. D. 3.

**Câu 6.** Khi nói về tác động giữa ba trụ cột phát triển bền vững, nội dung nào sau đây **không** đúng?

A. Môi trường là đối tượng để phát triển kinh tế, môi trường bền vững sẽ tạo điều kiện tăng trưởng kinh tế.

B. Phát triển kinh tế là nguyên nhân suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên và gia tăng ô nhiễm môi trường.

C. Sự phát triển kinh tế có thể gây ra bất bình đẳng xã hội trong tiếp cận và sử dụng tài nguyên.

D. Suy thoái môi trường dẫn tới suy giảm sức khoẻ, gia tăng phát triển kinh tế và phân hoá giàu nghèo.

**Câu 7.** Những nguyên nhân nào sau đây **không** gây ô nhiễm môi trường?

A. Hoạt động của núi lửa, phân giải xác sinh vật.

B. Sử dụng các loại phân bón hoá học.

C. Sử dụng các biện pháp khống chế sinh học.

D. Sử dụng các nguyên liệu hóa thạch.

**Câu 8.** Nội dung nào sau đây **không** phải là biện pháp bảo tồn đa dạng sinh học?

A. Hạn chế ô nhiễm môi trường.

B. Bảo tồn loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm.

C. Chú trọng bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, đặc thù.

D. Tăng cường sử dụng các sinh vật biến đổi gene.

**Câu 9.** Đâu không phải là nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học?

A. Sử dụng các loài thiên địch trong sản xuất nông nghiệp.

B. Biến đổi khí hậu.

C. Sự du nhập của các loài ngoại lai xâm hại.

D. Tạo các giống cây trồng, vật nuôi mới.

**Câu 10**. Nông nghiệp bền vững là một hệ thống nông nghiệp có sự cân bằng giữa

A. tính ổn định của môi trường, tính phù hợp kinh tế và tính khả thi về giáo dục.

B. tính ổn định của giáo dục, tính phù hợp môi trường và tính khả thi về xã hội.

C. tính ổn định của môi trường, tính phù hợp giáo dục và tính khả thi về kinh tế.

D. tính ổn định của môi trường, tính phù hợp xã hội và tính khả thi về kinh tế.

**2. Bài tập 1 SGK trang 194**

Một trong những phương án để phục hồi hệ sinh thái là đưa vào hệ sinh thái đang bị ảnh hưởng của các yếu tố gây hại( như kim loại nặng, chất thải,…) hoặc đang bị suy thoái các loài sinh vật cần thiết như:

 - Các loài vi khuẩn, nấm có khả năng thích nghi với môi trường bị ô nhiễm

- Các loài I khuẩn có khả năng cố định nitrogen

Hãy cho biết cơ sở khoa học và tác dụng của các phương pháp trên

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

**3. Bài tập 2 SGK trang 194**

Một trong những phương án để bảo tồn đa dạng sinh học chính là bảo tồn các quần thể sinh vật. Trong phương án này, các nhà sinh học bảo tồn tập trung chủ yếu vào việc bảo tồn các quần thể có kích thước nhỏ và các quần thể đang bị suy thoái. Bước đầu tiên trong việc thực hiện phương án này là nghiên cứu và xác định được nguyên nhân gây nên sự suy giảm kích thước hoặc suy thoái của quần thể sinh vật.

a. Tại sao xác định nguyên nhân làm cho quần thể bị suy giảm kích thước hoặc suy thoái là việc làm cần thiết? Cho ví dụ.

b. Hãy cho biết một số nguyên nhân gây suy giảm kích thước hoặc suy thoái của quần thể sinh vật. Từ đó, đề xuất biện pháp bảo tồn quần thể sinh vật.

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

**4. Bài tập 3 SGK trang 194**

Việt Nam đã xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc. Một số mục tiêu phát triển bền vững đến 2030 của Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào năm 2020 được nêu trong bảng sau. Hãy tìm hiểu và cho biết vai trò của các mục tiêu này.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mục tiêu** | **Vai trò** |
| **1** | Bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp |  |
| **2** | Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi |  |
| **3** | Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng,công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người |  |
| **4** | Đảm bảo đầy đủ và quản lí bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người |  |
| **5** | Đảm bảo hả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậyvà có khả năngchi trả cho tất cả mọi người |  |
| **6** | Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để phát triển bền vững |  |
| **7** | Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai |  |
| **8** | Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất |  |

**5. Bài tập 4 SGK trang 194**

Cho phát biểu sau: “Hoạt động của con người là nguyên nhân chủ yếu làm thủng tầng ozone, gây biến đổi khí hậu của Trái Đất ”. Theo em, phát biểu đó đúng hay sai? Giải thích và cho ví dụ minh họa

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

**VỞ GHI**

I. Hệ thống hoá kiến thức

1. Hãy quan sát sơ đồ hệ thống kiến thức trong SGK trang 193 và trình bày nội dung khái quát của sinh thái học phục hồi, bảo tồn và phát triển bền vững.

- Phục hồi và bảo tồn hệ sinh thái

- Phát triển bền vững hệ sinh thái

2. Từ sơ đồ khái quát, hãy đưa ra các biện pháp nhằm phục hồi, bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái.

- Phục hồi và bảo tồn hệ sinh thái:

 + Trồng cây gây rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc; Trồng cây xanh ở thành phố, khu công nghiệp; Tăng cường nạo vét sông ngòi, đầm, hồ; Tăng hồ điều hòa nơi đông dân cư.

 + Xây dựng khu bảo tồn sinh vật: Rừng phòng hộ đầu nguồn, quốc gia; Vườn thú,…

- Phát triển bền vững hệ sinh thái:

 + Tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân về phục hồi, bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái.

 + Khai thác nguồn tài nguyên thiên hợp lí. Có chính sách phù hợp cho người làm công tác phục hồi, bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái; Có chế tài xử phạt thích đáng với hành vi đi ngược lại với phục hồi, bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái.

 + Xây dựng bản đồ dân cư, khu công nghiệp, chính sách dân số hợp lí.,…

II. Bài tập:

1. Trắc nghiệm khách quan: Học sinh chỉ chọn 1 phương án

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 | Câu 6 | Câu 7 | Câu 8 | Câu 9 | Câu 10 |
| C | A | C | D | A | D | C | D | A | D |

**2. Bài tập 1 SGK trang 194**

– Các loài vi khuẩn, thực vật, nấm có khả năng thích nghi với môi trường bị ô nhiễm được đưa vào các hệ sinh thái đang bị ảnh hưởng bởi các yếu tố gây hại (như kim loại nặng, chất thải,...) được gọi là phương pháp cải tạo sinh học, chúng có thể hấp thụ và sử dụng các kim loại nặng hoặc chất thải để cung cấp năng lượng. Nhờ đó, có thể loại bỏ được các yếu tố gây hại.

– Đưa các loài vi khuẩn có khả năng cố định nitrogen vào môi trường nhằm bổ sung đạm cho đất, đặc biệt là đất nghèo dinh dưỡng.

**3. Bài tập 2 SGK trang 194**

a) Đối với mỗi quần thể, việc nghiên cứu và đánh giá nguyên nhân làm cho quần thể bị suy giảm kích thước hoặc suy thoái là việc làm cần thiết vì thông qua đó để có thể đề xuất các biện pháp khắc phục phù hợp. Ví dụ: Đối với quần thể suy giảm do ô nhiễm môi trường, trước tiên cần phân tích nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường trong khu vực phân bố của quần thể, từ đó đề xuất các biện pháp khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường sống của quần thể.

b) – Do sự săn bắt của con người đã làm suy giảm kích thước của quần thể tê giác. Để bảo vệ loài tê giác một sừng cần có diện tích bảo tồn lớn nhằm đảm bảo cung cấp đủ nguồn sống cho mỗi cá thể trong quần thể, tránh được sự săn bắt của con người.

– Việc phá rừng ngập mặn làm mất đi nơi ở của nhiều loài thuỷ sản sinh sống trong rừng ngập mặn → suy giảm số lượng cá thể của quần thể. Do đó, cần phục hồi diện tích rừng ngập mặn để phục hồi môi trường sống của các loài thuỷ sản.

**4. Bài tập 3 SGK trang 194**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mục tiêu** | **Vai trò** |
| 1 | Bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững. | - Giảm tất cả các hình thức suy dinh dưỡng, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng là trẻ em, trẻ em gái vị thành niên, phụ nữ mang thai và đang cho con bú, người cao tuổi.- Bảo đảm sản xuất lương thực, thực phẩm bền vững và áp dụng những phương thức sản xuất nông nghiệp có khả năng chống chịu giúp tăng năng suất và sản lượng, duy trì hệ sinh thái, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và các thảm hoạ khác và dần dần cải tạo chất lượng đất đai. |
| 2 | Bảo đảm cuộc sống khoẻ mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi. | - Giảm tỉ số tử vong của bà mẹ và trẻ em.- Chấm dứt các bệnh dịch.- Đảm bảo tiếp cận toàn dân tới các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ;- Tăng cường dự phòng và điều trị lạm dụng các chất gây nghiện. |
| 3 | Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người. | - Đảm bảo tất cả các trẻ em gái và trai hoàn thành giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở miễn phí, công bằng, có chất lượng.- Đảm bảo tiếp cận bình đẳng trong giáo dục và đào tạo. |
| 4 | Đảm bảo đầy đủ và quản lí bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người. | - Đảm bảo khả năng tiếp cận đầy đủ và công bằng với nước uống và nước sinh hoạt an toàn. - Đảm bảo tiếp cận công bằng các công trình và điều kiện vệ sinh phù hợp cho tất cả mọi người. - Cải thiện chất lượng nước, kiểm soát được các nguồn gây ô nhiễm; chấm dứt việc sử dụng các loại hoá chất độc hại trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và nuôi trồng thuỷ sản gây ô nhiễm nguồn nước và làm suy giảm đa dạng sinh học. |
| 5 | Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người. | - Đảm bảo tiếp cận toàn dân đối với các dịch vụ năng lượng trong khả năng chi trả, đáng tin cậy và hiện đại.- Mở rộng cơ sở hạ tầng và nâng cấp công nghệ để cung cấp dịch vụ năng lượng hiện đại và bền vững cho tất cả mọi người, đặc biệt cho các vùng kém phát triển, vùng sâu, vùng xa, vùng núi và hải đảo. |
| 6 | Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để phát triển bền vững. | Giảm đáng kể và kiểm soát được các loại ô nhiễm biển, đặc biệt là các hoạt động trên đất liền, chú ý đến các chất thải rắn, nước thải và ô nhiễm chất thải hữu cơ. |
| 7 | Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai. | - Giảm phát thải khí nhà kính.- Giáo dục, nâng cao nhận thức, năng lực và thể chế trong cảnh báo sớm, ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai để người dân có kiến thức về phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ rủi ro thiên tai. |
| 8 | Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hoá, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất. | - Giảm cơ bản việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng sang mục đích khác; tăng cường thực hiện quản lí bền vững các loại rừng, ngăn chặn chặt phá rừng, phục hồi rừng đã suy thoái, đẩy mạnh trồng và tái sinh rừng, tăng độ che phủ rừng.- Ngăn chặn nguy cơ tuyệt chủng của các loài động, thực vật nguy cấp. |

**5. Bài tập 4 SGK trang 194**

 Phát biểu này là đúng vì sự phát triển của ngành Công nghiệp lạnh, sử dụng các loại máy làm lạnh (tủ lạnh, máy lạnh,...) là nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng các chất làm lạnh (như chlorofluorocarbons (CFC), hydrocloruafloruacarbon (HCFC)) trong không khí. Các chất này phá huỷ cấu trúc tầng ozone dẫn đến hình thành một lỗ thủng lớn ở tầng ozone phía Nam Cực (năm 1980).

Hiện nay, Chính phủ các nước đang thực hiện các chính sách nhằm “vá” lỗ thủng ở tầng ozone, một trong số đó là Nghị định thư Montreal đã được kí kết vào năm 1987 nhằm từng bước loại bỏ việc sử dụng các chất CFC ở các nước.

**III. Bài tập dự án-Học sinh làm tại nhà 2 tuần**

Liên hệ thực tiễn tại địa phương em hoặc các địa phương mà em biết về thực trạng phục hồi, bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái. Nêu ý kiến của bản thân em về các thực trạng đó(đánh giá và biện pháp)./.